**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 30 – 5 – 2023
V/v: *Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Xuân Văn

Bà Đặng Thị Thu

*Thư ký phiên tòa*: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà:* Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "Kiện xin ly hôn, nuô con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị Trà M, sinh năm: 1985; HKTT: Tổ 5, thôn TH, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: Số 118 đường F325, nhóm 6, tổ dân phố 12, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị M có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Ngọc, sinh năm: 1977; HKTT: Tổ 5, thôn TH, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; tạm trú: Số 118 đường F325, nhóm 6, tổ dân phố 12, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/12/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Trà M trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Dương N có quá trình tìm hiểu, yêu nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2013, quyển số 21/2009. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, đến thời

điểm sinh con thứ hai cuộc sống hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược nhau, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng cãi vã xúc phạm nhau, anh N đáng đập chị. Mặc dù đã được hai bên nội ngoại nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm nhạt phai. Chị M nhận thấy đời sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M có nguyện vọng mong Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương N.

- *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống giữa chị và anh Dương N có 02 con chung là cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 và cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017. Hiện các cháu đang sống với chị M và đều do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị M trình bày vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế anh Dương N đã trình bày lời khai với các nội dung như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh với chị Đặng Thị Trà M có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình như chị M trình bày. Quá trình chung sống được một thời gian đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên mâu thuẫn xảy ra. Nay chị M có yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý ly hôn.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh trình bày vợ chồng có 02 người con đang chung sống với chị M là cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 và cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017. Đối với yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M. Ý kiến anh N không đồng ý, anh N có yêu cầu muốn nuôi cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017 và giao cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 cho chị Đặng Thị Trà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh và chị M không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh N cũng thừa nhận vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bị đơn anh Dương N vì lý do anh N đã được Tòa án triệu tập mà không tới làm việc. Sau khi có kết quả ủy thác Tòa án đã triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Nhưng anh N vẫn không đến theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án Vì vậy Tòa án đã lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt của bị đơn anh N. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và

tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa cho các bên đương sự được rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án kiện xin ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ tại phường BL, thành phố Đồng Hới nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử chị M được ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Phương N1 và Dương Duy P cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung: Anh N, chị M không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị Trà M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Dương N có đăng ký tạm trú tại Tổ dân phố 2, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tự thỏa thuận với nhau để đi đến thống nhất giải quyết vụ án, nhưng không có kết quả. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với anh Dương N quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện tống đạt qua bưu chính tại địa phương mà Bị đơn anh đang ký tạm trú tại tổ dân phố 2, phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, nhưng anh N vẫn vắng mặt. Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi anh Dương N đăng ký hộ khẩu thường trú; anh N đã trình bày quan điểm của mình đối với việc chị M xin ly hôn với anh. Tuy nhiên, sau đó Bị đơn anh Dương N đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Trà M và anh Dương N đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2009 Ủy ban nhân dân phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, số vào sổ đăng ký kết hôn 21/2009 nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẻ chia trách nhiệm. Do tính cách trái ngược nhau, nên anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại hai bên khuyên bảo, nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh N tuy không đến Tòa án để trình bày quan điểm, nhưng anh cũng trình bày ý kiến của mình tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung: Anh thừa nhận đúng như chị M trình bày, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hiện nay anh chị đã sống ly thân vào khoảng thời gian như chị M trình bày. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh N đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M, anh N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con đang chung sống với chị My là cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 và cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017. Nguyện vọng của chị M sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng đóng góp nuôi con. Anh N cũng có ý kiến tại biên bản lấy lời khai anh N muốn nuôi cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017 và giao cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh và chị M không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện các cháu đang sống với chị M và đều do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N không quan

tâm đến các cháu, anh bỏ mặc cho chị M tự chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Xét thấy, trong khoảng thời sinh sống trong gia đình anh N thường xuyên vắng nhà; cho đến thời điểm anh N có ý kiến xin được nuôi cháu Duy P nhưng bản thân anh cũng không về nhà để thực hiện việc chăm sóc, quan tâm các con. Anh đã bỏ mặc không quan tâm đến các con của mình, các cháu đang chung sống chung với chị M và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con. Hiện tại cháu P còn nhỏ, từ trước đến nay cháu đều sống với mẹ là chị M. Đối với cháu Dương Phương N1 có nguyện vọng được sống với mẹ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của con gái. Chị M có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng để nuôi con. Nên cần giao cả 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cho chị Đặng Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Phương N1 và cháu Dương Duy P theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M cam kết đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chị tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đặng Thị Trà M, anh Dương N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị M, anh N đều trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001107 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không phải chịu nộp.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

**1.** *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Đặng Thị Trà M được ly hôn với anh Dương N.

**2.** *Về quan hệ nuôi con chung*: Giao 02 con chung là cháu Dương Phương N1, sinh ngày 01/11/2009 và cháu Dương Duy P, sinh ngày 05/5/2017 cho chị Đặng Thị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh Ngọc phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực triếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

**3.** *Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001107 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không phải chịu nộp.

**4.** *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2023). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND P. BL, TP. H;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**